

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST  
Ngày: 05-5-2020  
“*V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Phường;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Vững;
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 11 tháng 3, ngày 01 tháng 4 và từ ngày 28 tháng 4 đến ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 617/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1970;  
(Chủ hộ kinh doanh H);  
Địa chỉ: ấp 2A, xã H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp;  
Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1994.  
Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019.

**2. Bị đơn:** Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1961;  
Anh **Lê Văn S**, sinh năm 1987;  
Cùng địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.  
Ông **Lê Văn Ch**, sinh năm 1961;  
HKTT: ấp 6, xã T, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.  
Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Anh M, bà N và anh S có mặt,  
ông C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn M là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Văn B trình bày:*

Anh B là chủ hộ kinh doanh H, vào ngày 22/9/2016 anh B có hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản cho ông C, bà N và anh S (khi thỏa thuận có mặt ông C, bà N và anh S, anh S là con của ông C và bà N vì nuôi chung ao nên chỉ mình anh S đứng ra ký hợp đồng với anh B). Hai bên thỏa thuận khi nào ông C, bà N và anh S cần thức ăn loại gì thì thông báo cho bên anh B, bên anh B trả lời có thì anh B sẽ cho người chở vào giao cho ông C, bà N và anh S, anh B có nghĩa vụ phải giao đầy đủ thức ăn theo nhu cầu của ông C, bà N và anh S cho đến khi ông C, bà N và anh S bán cá (gọi là lên hầm) còn ông C, bà N và anh S sau khi bán cá thì phải thanh toán dứt điểm tiền mua thức ăn cho anh B. Sau khi ký hợp đồng anh B đã giao đầy đủ thức ăn theo yêu cầu của ông C, bà N và anh S. Đến ngày 01/12/2017, anh B, ông C, bà N và anh S có ngồi lại chốt công nợ thì ông C, bà N và anh S còn nợ anh B với tổng số tiền là 3.228.000.000 đồng nhưng trừ đi số tiền thuê đất (do anh B có thuê phần đất của ông C, bà N và anh S) là 640.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ gốc là 2.588.000.000 đồng. Thời hạn trả từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018 là phải trả dứt số nợ trên. Việc chốt công nợ này hai bên có làm giấy nhận nợ ghi ngày 01/12/2017 trong đó có chữ ký và chữ viết ghi họ và tên của anh S và bà N còn ông C không có ký tên. Tuy nhiên, từ ngày ký hợp đồng mua bán thức ăn đến ngày chốt công nợ trên thì ông C đều biết và có tham gia nhưng do tin tưởng nên anh B không yêu cầu ông C ký tên và trong quá trình thực hiện hợp đồng trên ông C có ký tên giao nhận thức ăn và xác nhận nợ việc này thể hiện qua 02 sổ ghi quá trình thực hiện hợp đồng trên.

Theo đơn khởi kiện thì anh Huỳnh Văn a yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C, bà Phan Thị N và anh Lê Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 2.588.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2017 x 1%/tháng x 19 tháng = 491.720.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 3.079.720.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh M trình bày là nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu là nay anh Huỳnh Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C, bà Phan Thị N và anh Lê Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 2.588.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến nay tính tròn là 16 tháng, cụ thể thành tiền là: 2.588.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng = 414.080.000 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là: 3.002.080.000 đồng. Đồng thời, anh B xác định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì anh Ba không còn chứng cứ gì khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm hoặc đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, anh B không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Theo ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Phan Thị N và anh Lê Văn S cùng trình bày:*

Bà N và anh S thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về quá trình hai bên thỏa thuận, ký kết và thực hiện hợp đồng. Bà N và anh S thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên trong các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là của bà N và anh S. Vào năm 2017, do giá cá xuống thấp dẫn đến thua lỗ khi đó phía anh B đã đứng ra tự bán hàm cá của bà N và anh S để thu hồi tiền nợ thức ăn. Sau khi bán xong thì vào ngày 01/12/2017, hai bên ngồi lại chốt công nợ thì phía bên bà N và anh S còn nợ phía anh B số tiền nợ gốc 3.228.000.000 đồng nhưng trừ đi số tiền thuê đất là 640.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ là 2.588.000.000 đồng. Từ khi hai bên thỏa thuận ký hợp đồng và chốt công nợ thì chỉ có anh S và bà N ký tên còn ông C không có ký tên gì. Bà N và anh S trình bày là việc nuôi cá này là do bà N và anh S tự làm ông C (là chồng của bà N và cha của anh S) biết việc nuôi cá này đã không đồng ý cho bà N và anh S nuôi cá nhưng bà N và anh S vẫn nuôi, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì có khi anh S nhận thức ăn, có khi ông C nhận thức ăn và chữ ký và chữ viết ghi họ và tên trong hai sổ theo dõi việc giao nhận thức ăn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là của ông C. Đối với ông C trong vụ án này không có liên quan gì việc nuôi cá này chỉ có bà N và anh S chịu trách nhiệm. Đối với toàn bộ lời trình bày trên thì bà N và anh S không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không ai chứng kiến biết việc này.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà N và anh S đồng ý cùng liên đới trả số tiền nợ gốc 2.588.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi và xin nguyên đơn không tính lãi vì khi chốt công nợ thì phía bà N và anh S có thiện chí trả nợ là đồng ý giao cho phía anh B tìm người mua phần đất ruộng khi nào thỏa thuận được việc mua bán thì phía bà N và anh S sẽ làm thủ tục sang tên qua cho người mua để lấy tiền trả nợ cho phía anh a nhưng đến nay vẫn chưa bán được. Đồng thời, bà N và anh S xác định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì bà N và anh S không còn chứng cứ gì khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm hoặc đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, bà N và anh S không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:
  - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản photo);
  - + Hợp đồng mua bán thức ăn ghi ngày 22/9/2016 (photo);
  - + Giấy ký nhận nợ ghi ngày 01/12/2017 (bản photo);
  - + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
  - + 02 quyển tập học sinh ghi quá trình mua bán (bản chính);
  - + Giấy ủy quyền.
- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09 tháng 12 năm 2019.

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sổ tiền nợ gốc.

*\* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Nguyên đơn yêu cầu trả lãi như trình bày phần trên, bị đơn là bà N và S không đồng ý trả lãi. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu ông C cùng liên đới với bà N và anh S trả số tiền trên, phía bị đơn không đồng ý.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Huỳnh Văn Bayêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C, bà Phan Thị N và anh Lê Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 2.588.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến nay tính tròn là 16 tháng, cụ thể thành tiền là 2.588.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng = 414.080.000 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là: 3.002.080.000 đồng. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là bà N, anh S hiện nay đang cư trú tại ấp 3, xã L, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và ông Chát hiện nay đang cư trú tại ấp 3, xã H, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2020/QĐST-DS ngày 01/4/2020 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Mai Văn Thanh và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thanh bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Nguyễn Văn Tuấn là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Huỳnh Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 22/9/2016, giữa anh B với ông C, bà N và anh S thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi cá với nhau (hợp đồng bằng giấy tay không có công chứng, chứng thực). Hai bên thỏa thuận khi nào bị đơn cần thức ăn loại gì thì thông báo cho bên nguyên đơn, bên nguyên đơn trả lời có thì nguyên đơn sẽ cho người chở vào giao cho bị đơn, đồng thời nguyên đơn có nghĩa vụ phải giao đầy đủ thức ăn theo nhu cầu của bị đơn cho đến khi bị đơn bán cá (gọi là lên hầm), còn bị đơn sau khi bán cá thì phải thanh toán dứt điểm tiền mua thức ăn cho nguyên đơn. Sau khi ký hợp đồng nguyên đơn đã giao đầy đủ thức ăn theo yêu cầu của bị đơn. Đến ngày 01/12/2017, hai bên có ngồi lại chốt công nợ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 3.228.000.000 đồng, nhưng trừ đi số tiền thuê đất (do anh B có thuê phần đất của ông C, bà N và anh S) là 640.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ là 2.588.000.000 đồng. Hai bên

thỏa thuận thời hạn trả từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018 là phải trả dứt số nợ trên. Theo bị đơn bà N và anh S trình bày thống nhất với toàn bộ lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là của ông C, bà N và anh S. Đồng thời, bà N và anh S thừa nhận tính đến nay còn nợ tiền mua thức ăn nuôi cá của nguyên đơn là 2.588.000.000 đồng và xác nhận đây là khoản nợ chung của bà N và anh S, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định tính đến nay bị đơn còn nợ tiền mua thức ăn nuôi cá của nguyên đơn là 2.588.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 02/12/2018 đến ngày 28/4/2020 (tính tròn 16 tháng), với mức lãi suất là 1%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy, theo “Hợp đồng mua bán thức ăn ghi ngày 22/9/2016” thể hiện hai bên có thỏa thuận trong trường hợp bị đơn không trả đủ tiền thì số tiền còn nợ lại tính lãi suất là 3%/tháng. Đến ngày 01/12/2017, hai bên ngồi chốt công nợ và thỏa thuận lại theo “Giấy ký nhận nợ ghi ngày 01/12/2017” thể hiện thời gian trả nợ là 01 năm (Tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018) và lãi suất là 1%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất và mức lãi suất là 1%/tháng. Căn cứ vào Điều 357, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 02/12/2018 cho đến ngày ngày 28/4/2020 (tính tròn 16 tháng) của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở. Như vậy, số tiền lãi cụ thể: 2.588.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng = 414.080.000 đồng.

Đối với yêu cầu ông C cùng liên đới với bà N và anh S trả số tiền nợ gốc và lãi trên, Hội đồng xét xử xét thấy, theo nguyên đơn trình bày thì khi thỏa thuận ký hợp đồng mua bán thức ăn và khi hai bên chốt công nợ thì đều có mặt ông C nhưng chỉ có bà N và anh S đại diện ký tên còn ông C không có ký tên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên thì ông C đều có ký tên nhận thức ăn và ký tên tính tiền thức ăn vào sổ giao nhận hàng của nguyên đơn. Theo bà N và anh S trình bày việc nuôi cá này chỉ do bà N và anh S tiến hành nuôi, ông C không đồng ý việc nuôi cá nên ngưng cản không cho bà N và anh S nuôi cá nên, đối với ông C trong vụ án này không có liên quan gì việc nuôi cá này chỉ có bà N và anh S chịu trách nhiệm. Xét lời trình bày của bà N và anh S là không có cơ sở, vì: Thứ nhất: Mặc dù ông C không có ký tên vào “Hợp đồng mua bán thức ăn ghi ngày 22/9/2016” và “Giấy ký nhận nợ ghi ngày 01/12/2017” nhưng căn cứ vào 02 sổ ghi theo dõi việc giao nhận thức ăn do nguyên đơn cung cấp (bà N và anh S thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Lê Văn C trong 02 sổ trên là của ông C) thể hiện ông C biết việc hai bên có giao kết hợp đồng và trong quá trình thực hiện cụ thể là việc giao nhận thức ăn thì ông C có tham gia rất nhiều lần việc nhận thức ăn, ký xác nhận nợ từng đợt giao thức ăn. Do đó, có đủ cơ sở để xác định

ông C biết việc hai bên giao kết và ông C có tham gia vào việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên; Thứ hai: Toàn bộ lời trình bày của bà N và anh S không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không ai chứng kiến hoặc biết việc này, đồng thời phía nguyên đơn cũng không thừa nhận; Thứ ba: Đối với C đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn là bà N và anh S yêu cầu Tòa án giải quyết là đồng ý cùng liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc trên và không đồng ý trả lãi, đồng thời xin nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Như phân tích phần trên do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên đối với phần trình bày không đồng ý trả lãi của bà N và anh S là không có cơ sở và đối với phần trình bày xin nguyên đơn không tính lãi, việc này nguyên đơn không đồng ý nên cũng không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của bị đơn là bà N và anh S là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn ai có yêu cầu gì khác.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí:

- Anh B không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông C, bà N và anh S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn B. Buộc ông Lê Văn C, bà Phan Thị N và anh Lê Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Huỳnh Văn B số tiền nợ gốc mua thức ăn nuôi cá là 2.588.000.000 đồng và tiền lãi 414.080.000 đồng; Tổng cộng: 3.002.080.000 đồng (Ba tỷ, không trăm lẻ hai triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 43.692.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) và 7.749.000 đồng (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0002736, ngày 17/9/2019 và số 0006820, ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Văn C, bà Phan Thị N và anh Lê Văn S phải liên đới chịu 92.042.000 đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Minh Phường**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN**

## **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**

**Lê Văn Vững**

**Nguyễn Minh Phường**

